

Bản án số: 103/2024/ HNGĐ-ST
Ngày 11 - 7 - 2024
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng.

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh.
2. Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 219/2024/ TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024 ngày 25 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng D, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P trên cơ sở quen biết rồi tiến đến hôn

nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P thường xuyên uống rượu với bạn bè về nhà đánh đập vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên chồng thay đổi nhưng anh không thay đổi. Vì quá nhiều lần hành hạ chị nên vào năm 2023 chị và các con dọn ra ngoài ở nhà trọ. Tình cảm giữa chị và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhật Anh T, sinh ngày 17/4/2003 đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết và Lê Nhật Anh T1, sinh ngày 26/9/2007, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu T1.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Hoàng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý theo lời trình bày của chị D, nhưng về mâu thuẫn của vợ chồng không có gì lớn, nguyên nhân chị D bỏ ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, có lần anh nhậu về có đánh chị bập tay, anh thừa nhận khi uống rượu về có chửi vợ con, nhưng anh xin vợ bỏ qua cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì anh còn thương vợ và muốn cùng vợ lo cho các con. Anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của cháu Lê Nhật Anh T1: Cha cháu là anh Lê Hoàng P mẹ là Phạm Thị Hồng D, khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

- Ý kiến của nguyên đơn tại Tòa: Yêu cầu ly hôn với anh P và yêu cầu được nuôi cháu Lê Nhật Anh T1. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bị đơn là anh Lê Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con, đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P tiến đến hôn nhân được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97 cấp ngày 06/01/2002. Do đó hôn nhân của chị D và anh P là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị D và anh P đều thừa nhận trong thời gian chung sống, phía anh P nhiều lần uống rượu về nhà chửi bới đánh đập chị D, sự việc này diễn ra thời gian dài, do không thể chịu đựng được nên chị đã ra sống riêng từ năm 2023 cho đến nay.

Xét thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau nhưng hôn nhân của chị D và anh P đã có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Qua các cần hòa giải và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã động viên anh chị đoàn tụ, cho anh P có cơ hội để sửa chữa nhưng chị D không đồng ý, vì không còn tình cảm với anh P. Xét thấy mâu thuẫn của chị D và P đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, trong đời sống hàng ngày anh P cũng đã sử dụng bạo lực đối với chị D. Do đó xét yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Cháu Lê Nhật Anh T1 hiện do chị D nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu được nuôi con, anh P cũng đồng ý, nguyện vọng của cháu Lê Nhật A Thơ là được sống cùng với mẹ. Do đó giao cháu Lê Nhật Anh T1 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Lê Nhật Anh T đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hồng D được ly hôn với anh Lê Hoàng P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nhật Anh T1, sinh ngày: 26/9/2007 cho chị Phạm Thị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Lê Nhật Anh T1. Anh Lê Hoàng P có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Cháu Lê Nhật Anh T đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0001040 ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Thạnh Quới, Long Hồ, Vĩnh Long;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Công Bằng

